

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

Ths. Nguyễn Thu Hương*

Trong nền kinh tế thị trường, các ngân hàng phải đối mặt với rất nhiều loại rủi ro như rủi ro lạm phát, rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất, rủi ro hối đoái, rủi ro tái đầu tư... Tuy nhiên, loại rủi ro mà Ngân hàng chú trọng nhất vẫn là rủi ro tín dụng. Phòng ngừa và hạn chế rủi ro tín dụng không những là vấn đề sống còn đối với ngân hàng mà còn là yêu cầu cấp thiết của nền kinh tế, góp phần vào sự ổn định và phát triển của toàn xã hội. Bài viết đề cập đến một số vấn đề về rủi ro trong hoạt động tín dụng của các ngân hàng hiện nay.

• Từ khóa: Rủi ro tín dụng, nguyên nhân rủi ro, hậu quả rủi ro, quản lý rủi ro, hoạt động tín dụng, ngân hàng.

In the market economy, banks have to face many kinds of risks such as inflation risk, market risk, interest rate risk, foreign exchange risk, reinvestment risk... The type of risk that the Bank pays the most attention to is still credit risk. Preventing and limiting credit risks is not only a vital issue for banks but also an urgent requirement of the economy, contributing to the stability and development of the whole society. The article mentions some issues of risk in the credit activities of banks today.

• Keywords: Credit risk, risk causes, risk consequences, risk management, credit activities, banking.

Ngày nhận bài: 12/6/2022

Ngày gửi phản biện: 15/6/2022

Ngày nhận kết quả phản biện: 18/7/2022

Ngày chấp nhận đăng: 20/7/2022

1. Nguyên nhân của rủi ro tín dụng

Để có thể quản lý rủi ro tín dụng của ngân hàng, trước hết cần xác định rõ nguyên nhân của rủi ro tín dụng. Nguyên nhân có thể gây ra rủi ro tín dụng rất đa dạng nhưng có thể chia ra làm hai nhóm:

Thứ nhất: Nhóm nguyên nhân khách quan:

- Do môi trường chính trị và chính sách vĩ mô của quốc gia

Một môi trường chính trị không ổn định sẽ khiến tâm lý của người đầu tư luôn bất ổn và không sẵn sàng để đầu tư. Điều này làm cả nguồn cung tín dụng và cầu tín dụng của ngân hàng giảm sút. Đồng thời hoạt động tín dụng của ngân hàng không còn thuận lợi, rủi ro trong hoạt động sử dụng vốn tăng cao. Bên cạnh đó, nếu các chính sách vĩ mô của Nhà nước không phù hợp thì sẽ kìm hãm sự phát triển của kinh tế. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến tình trạng thiếu an toàn trong việc cho vay tín dụng.

- Do tình hình kinh tế - xã hội của quốc gia

Nếu tình hình kinh tế - xã hội của một đất nước có biểu hiện của sự suy thoái thì việc kinh doanh của khách hàng sẽ không hiệu quả và gặp nhiều khó khăn, rủi ro đối với nguồn vốn vay ngày càng lớn. Trong khi đó mức tăng trưởng tín dụng vẫn cao thì khả năng nợ khó đòi của ngân hàng sẽ tăng lên.

Rủi ro tín dụng là những tổn thất tiềm năng có thể xảy ra trong quá trình cấp tín dụng của ngân hàng, do khách hàng vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ (bao gồm lãi vay và gốc) hoặc trả nợ không đúng hạn cho ngân hàng như đã cam kết trong hợp đồng. Đây là rủi ro gắn liền với hoạt động tín dụng, dẫn đến tổn thất chính như giảm thu nhập ròng và thất thoát vốn của ngân hàng.

Rủi ro tín dụng là một trong những vấn đề mà tất cả các ngân hàng phải đương đầu. Phòng ngừa hạn chế rủi ro tín dụng là vấn đề khó khăn, phức tạp bởi lẽ rủi ro tín dụng mang tính tất yếu khách quan, luôn gắn liền với hoạt động tín dụng, đồng thời lại rất đa dạng phức tạp, rủi ro tín dụng thường khó kiểm soát và dẫn đến những thiệt hại, thất thoát về vốn và thu nhập của ngân hàng.

* Học viện Tài chính; email: huongnt@hvtc.edu.vn

- Thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh xảy ra làm thiệt hại trực tiếp đến vốn, tài sản của khách hàng;

- Nhà nước thay đổi chính sách làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của khách hàng (không còn nguồn cung cấp nguyên vật liệu; mất hàng sản xuất, kinh doanh bị cấm...);

- Khách hàng là cá nhân vay vốn: bị mất năng lực hành vi dân sự; người vay vốn ốm đau thường xuyên, mắc bệnh tâm thần, có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt không nơi nương tựa; mất tích hoặc bị tuyên bố là chết, mất tích không còn tài sản để trả nợ hoặc không có người thừa kế hoặc người thừa kế thực sự không có khả năng trả nợ thay cho khách hàng;

- Khách hàng là pháp nhân, tổ chức kinh tế đã có quyết định giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật mà không còn pháp nhân, không còn vốn, tài sản để trả nợ cho ngân hàng.

Thứ hai: Nhóm nguyên nhân chủ quan:

* Nguyên nhân từ phía ngân hàng:

- Do lãnh đạo tại một số ngân hàng chưa quyết liệt trong công tác chỉ đạo điều hành, công tác kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay còn lỏng lẻo dẫn đến phát sinh nhiều rủi ro trong quá trình cho vay, thu hồi nợ khi đến hạn.

- Do cán bộ ngân hàng chưa chấp hành đúng quy trình cho vay như không đánh giá chính xác đầy đủ khách hàng trước khi cho vay, chưa kiểm tra giám sát chặt chẽ về tình hình sử dụng vốn vay của khách hàng nên chưa kịp thời phát hiện những trường hợp khách hàng sử dụng vốn vay sai mục đích, làm ăn thua lỗ dẫn đến không có khả năng trả nợ ngân hàng, nhiều trường hợp khách hàng bỏ đi khỏi nơi cư trú không rõ tung tích không có khả năng thu hồi nợ.

- Do trình độ nghiệp vụ của cán bộ tín dụng hạn chế trong việc đánh giá các dự án, thẩm định hồ sơ vay vốn còn thiếu sót, trình cho vay đối với dự án thiếu tính khả thi.

- Cán bộ ngân hàng thiếu tinh thần trách nhiệm, vi phạm đạo đức nghề nghiệp thông đồng khách hàng lập hồ sơ giả để vay vốn, chiếm dụng vốn khi giải ngân hay thu nợ...

- Sai sót trong tác nghiệp: cho vay quá mức so với khả năng trả nợ của khách hàng do không phân tích, thẩm định kỹ khách hàng dẫn đến không đánh giá chính xác thực trạng khả năng

tài chính, khả năng trả nợ của khách hàng. Định kỳ hạn trả nợ cho các khoản vay không đúng thực tế, thời điểm trả nợ phải là thời điểm có thu nhập. Nếu xác định kỳ hạn sai sẽ xảy ra trường hợp: khách hàng có thu nhập sớm hơn thời điểm phải trả nợ cho nên số tiền thu được sẽ sử dụng vào mục đích khác, nên khi đến hạn khách hàng không có tiền trả nợ cho ngân hàng hoặc khách hàng có thu nhập sau thời điểm trả nợ nên khách hàng không có tiền trả nợ cho ngân hàng khi đến hạn dẫn đến phải gia hạn nợ.

* Nguyên nhân từ phía khách hàng:

- Do khách hàng sử dụng vốn sai mục đích, không thực hiện đúng phương án sản xuất kinh doanh hoặc do trình độ, năng lực sản xuất kinh doanh yếu kém dẫn đến việc kinh doanh thua lỗ, khi đến hạn không có khả năng trả nợ cho ngân hàng.

- Một bộ phận khách vay vốn chây ì không có thiện chí trả nợ, có khả năng trả nợ nhưng cố tình không trả nợ ngân hàng theo cam kết.

2. Hậu quả của rủi ro tín dụng

Với những nguyên nhân cả khách quan và chủ quan như trên thì hậu quả của rủi ro tín dụng không hề nhỏ. Có thể xét hậu quả của rủi ro tín dụng đối với các chủ thể sau:

Đối với ngân hàng: Do vốn chủ sở hữu của ngân hàng so với tổng giá trị tài sản là rất nhỏ nên chỉ cần một tỷ lệ nhỏ danh mục cho vay có vấn đề sẽ đẩy một ngân hàng tới nguy cơ phá sản. Đặc biệt, với những khoản vay của doanh nghiệp do thường có giá trị lớn nên tổn thất xảy ra nếu khoản vay không thu hồi được sẽ gây thiệt hại tới ngân hàng hết sức nặng nề, sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh. Ngân hàng không đủ tiềm lực tài chính để xoay vòng vốn và hoạt động kém hiệu quả. Ngân hàng không thu được vốn tín dụng đã cấp và lãi cho vay, nhưng ngân hàng phải trả vốn và lãi cho khoản tiền huy động đến hạn, điều này làm cho ngân hàng mất cân đối thu chi, khi không thu được nợ thì vòng quay vốn tín dụng giảm làm cho ngân hàng kinh doanh không hiệu quả. Khi gặp rủi ro tín dụng ngân hàng thường rơi vào tình trạng mất khả năng thanh khoản, làm mất lòng tin người gửi tiền, ảnh hưởng đến uy tín của ngân hàng, chậm trả lương cho nhân viên vì thế những người có năng lực sẽ chuyển công tác... Sự thiếu hụt cả về vốn,

về nhân sự và khách hàng làm cho ngân hàng đứng trước bờ vực của sự phá sản.

Đối với khách hàng: Rủi ro tín dụng gây ra gánh nặng nợ nần, áp lực kinh tế mạnh mẽ đối với hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như chi tiêu, bị nợ xấu, tích biên tài sản. Ngoài ra còn rất khó để có thể vay được những lần sau. Từ đó đã khó khăn càng thêm khó khăn. Với những doanh nghiệp, thì nếu không huy động được nguồn vốn sẽ thiếu vốn hoạt động, sản xuất kinh doanh gián đoạn và khó trụ vững.

Đối với nền kinh tế: Trong thời đại hiện nay, các định chế tài chính có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, nếu như một ngân hàng gặp vấn đề thì ngay lập tức sẽ ảnh hưởng dây chuyền đến các ngân hàng khác, gây ra sự bất ổn định cho thị trường. Mặt khác, rủi ro tín dụng là nguyên nhân hàng đầu dẫn đến lạm phát. Sự suy giảm của nguồn cung tín dụng do rủi ro tín dụng cũng là nguyên nhân cơ bản gây nên áp lực tăng lãi suất tín dụng, lạm phát sẽ gia tăng. Lạm phát xảy ra kéo theo nhiều hệ lụy như: tỷ lệ người thất nghiệp tăng lên, đời sống giảm sút, kinh tế suy thoái...

Nói tóm lại, rủi ro tín dụng của một ngân hàng xảy ra ở mức độ khác nhau: nhẹ nhất là ngân hàng bị giảm lợi nhuận khi không thu hồi được lãi vay, nặng nhất khi ngân hàng không thu được vốn gốc, nợ khó đòi với tỷ lệ cao dẫn đến ngân hàng bị lỗ mà mất vốn. Nếu tình trạng này kéo dài không khắc phục được, ngân hàng sẽ bị phá sản, gây hậu quả nghiêm trọng cho hệ thống ngân hàng nói riêng và cho nền kinh tế nói chung. Chính vì vậy đòi hỏi các ngân hàng phải hết sức thận trọng và có những biện pháp thích hợp nhằm giảm thiểu rủi ro trong hoạt động tín dụng. Để đưa ra được các biện pháp đó, trước hết các ngân hàng phải xác định được hệ thống các chỉ tiêu đánh giá rủi ro trong hoạt động tín dụng.

3. Hệ thống chỉ tiêu đánh giá rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng trong hoạt động của ngân hàng có thể được đánh giá qua một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

- Tỷ lệ nợ quá hạn trên tổng dư nợ: Là tỷ lệ phần trăm của dư nợ quá hạn so với tổng dư nợ các chương trình tín dụng đến thời điểm báo cáo.

Tỷ lệ nợ quá hạn (%) = $\frac{\text{Nợ quá hạn}}{\text{Tổng dư nợ}} \times 100 (\%)$

Chỉ tiêu này cao cho thấy tỷ trọng nợ quá hạn trong tổng dư nợ là lớn, nó tiềm ẩn nguy cơ rủi ro tín dụng cao, chất lượng tín dụng thấp.

- Tỷ lệ nợ khoanh trên tổng dư nợ: Là tỷ lệ phần trăm của tổng số nợ đang được khoanh so với tổng dư nợ các chương trình tín dụng đến thời điểm báo cáo.

Tỷ lệ nợ khoanh (%) = $\frac{\text{Nợ khoanh}}{\text{Tổng dư nợ}} \times 100 (100\%)$

Chỉ tiêu này cao cho thấy tỷ trọng nợ được khoanh so với tổng dư nợ của ngân hàng là lớn, chất lượng tín dụng càng thấp.

- Tỷ lệ thu lãi: Là tỷ lệ phần trăm số lãi thực thu so với tổng số lãi dự thu.

Tỷ lệ thu lãi (%) = $\frac{\text{Số lãi thực thu}}{\text{Số lãi dự thu}} \times 100 (\%)$

Chỉ tiêu này phản ánh khả năng trả lãi thực tế của khách hàng. Chỉ tiêu này càng cao chứng tỏ chất lượng tín dụng càng tốt.

- Tỷ lệ thu nợ phân kỳ: Là tỷ lệ phần trăm số nợ đến hạn theo phân kỳ đã thu so với tổng số nợ đến hạn theo phân kỳ (theo thỏa thuận giữa khách hàng và ngân hàng trên hợp đồng tín dụng).

Tỷ lệ thu hồi nợ phân kỳ (%) = $\frac{\text{Nợ đến hạn theo phân kỳ thực thu}}{\text{Tổng số nợ đến hạn theo phân kỳ}} \times 100 (\%)$

Chỉ tiêu này phản ánh khả năng, ý thức trả nợ của khách hàng và sự đôn đốc trả nợ của ngân hàng. Chỉ tiêu này càng cao chứng tỏ chất lượng tín dụng càng tốt.

- Nợ đến hạn được cơ cấu lại thời hạn trả nợ: Là tỷ lệ phần trăm số nợ đến hạn của các món vay không trả được nợ theo cam kết và phải chuyển nợ quá hạn hoặc được gia hạn nợ so với tổng số nợ gốc ban đầu của món vay.

Tỷ lệ nợ đến hạn được cơ cấu lại thời hạn trả nợ (%) = $\frac{\text{Dư nợ chuyển nợ quá hạn} + \text{dư nợ được gia hạn nợ}}{\text{Tổng nợ gốc ban đầu của món vay}} \times 100 (\%)$

Chỉ tiêu này phản ánh tỷ lệ các món nợ khi đến hạn được ngân hàng thực hiện các giải pháp nghiệp vụ để xử lý gồm chuyển sang NQH và gia hạn nợ cho món vay. Chỉ tiêu này càng lớn thì chất lượng tín dụng càng xấu.

- Vòng quay của vốn: Là chỉ tiêu phản ánh tần suất dư nợ bình quân trong kỳ được thu hồi bao nhiêu lần trong một chu kỳ cho vay hoặc phản ánh khoảng thời gian để thu hồi vốn sau khi phát

tiền vay. Trong đó, dư nợ bình quân trong kỳ là số tiền chưa thu hồi bình quân tại thời điểm thống kê và được xác định bằng phương pháp bình quân gia quyền.

Chỉ tiêu này đánh giá khả năng thu hồi nợ khi đến hạn (cần so sánh với thời gian cho vay bình quân của đơn vị). Tần suất thu hồi vốn trong một khoảng thời gian càng lớn, các món vay càng được đánh giá có khả năng thu hồi, nói cách khác số khoảng thời gian thu hồi vốn càng nhỏ thì chất lượng tín dụng càng tốt. Cách tính toán chỉ tiêu này như sau:

Vòng quay của vốn (vòng) = Tổng doanh số thu nợ/Dư nợ bình quân

Từ đó, khoảng thời gian thu hồi vốn = Thời gian thống kê/Vòng quay của vốn.

4. Quy trình quản lý rủi ro tín dụng

Trên cơ sở hệ thống chỉ tiêu đánh giá rủi ro tín dụng, các ngân hàng sẽ thực hiện công tác quản lý rủi ro tín dụng. Công tác quản lý rủi ro tín dụng thường được thực hiện theo quy trình chặt chẽ, từ khâu phát hiện rủi ro, đo lường rủi ro, kiểm soát rủi ro và xử lý rủi ro. Cụ thể:

Phát hiện rủi ro tín dụng: Nhận diện rủi ro tín dụng là quá trình xác định liên tục và có hệ thống. Bất kỳ khoản vay nào cũng có thể có vấn đề, việc sớm nhận biết vấn đề và có những biện pháp theo dõi nhanh chóng, chuyên nghiệp giúp các vấn đề, tổn thất có thể giảm đến mức thấp nhất. Những dấu hiệu cảnh báo sẽ giúp ngân hàng có thể nhận biết và có giải pháp xử lý sớm các vấn đề một cách hiệu quả. Các dấu hiệu nhận biết phổ biến thường tập trung vào dấu hiệu tài chính và dấu hiệu phi tài chính của khách hàng vay.

Đo lường rủi ro tín dụng: Đo lường rủi ro tín dụng là việc lượng hóa mức độ các rủi ro cũng như biết được xác suất xảy ra rủi ro, mức độ tổn thất khi rủi ro xảy ra để xem xét khả năng chấp nhận nó của ngân hàng. Đây là cơ sở để ngân hàng đưa ra quyết định cho vay cũng như xây dựng biện pháp ứng phó phù hợp, nhanh chóng với rủi ro tín dụng khi tình trạng này xảy ra. Để đo lường rủi ro tín dụng các ngân hàng thường xây dựng các mô hình thích hợp để lượng hóa các rủi ro.

Quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng: Quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng là khâu trọng tâm

nhất trong công tác quản trị rủi ro tín dụng của một ngân hàng, đây chính là trọng tâm của quy trình rủi ro tín dụng. Quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng là một hệ thống những công cụ, chính sách, tiêu chuẩn và biện pháp nhằm ngăn ngừa và xử lý rủi ro tín dụng trong một ngân hàng: chính sách tín dụng, quy trình tín dụng, bộ máy quản trị rủi ro tín dụng, các giới hạn tín dụng.

Xử lý rủi ro tín dụng: Xử lý rủi ro tín dụng là bước cuối cùng trong công tác quản trị rủi ro tín dụng. Ở bước này, ngân hàng sẽ đưa ra các quyết định và biện pháp để tài trợ, khắc phục và hạn chế thấp nhất chi phí rủi ro và tổn thất mà rủi ro tín dụng đã gây ra cho ngân hàng.

Bốn bước trong quy trình rủi ro tín dụng có quan hệ chặt chẽ lẫn nhau và quyết định rất lớn tới hiệu quả quản trị rủi ro tín dụng. Trong 4 bước này, bước 1 và bước 3 được coi là bước quan trọng nhất, ngân hàng càng chủ động trong quản lý và kiểm soát rủi ro thì càng giảm thiểu được tổn thất trong hoạt động tín dụng. Từ đó, có thể thấy, vấn đề cốt lõi trong quản lý tín dụng ngân hàng chính là đưa ra các giải pháp, cách thức để phát hiện sớm rủi ro. Hiện nay, nhiều ngân hàng đã xây dựng hệ thống cảnh báo sớm rủi ro, thực hiện thẩm định tín dụng, củng cố hệ thống báo cáo thông tin quản trị tín dụng... Đây chính là những cách thức nhằm phát hiện sớm rủi ro tín dụng, trên cơ sở đó ngăn ngừa, hạn chế hậu quả của rủi ro đối với hoạt động tín dụng của ngân hàng.

Kết luận: Quản lý rủi ro tín dụng đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo an toàn cho hoạt động tín dụng của ngân hàng và góp phần giảm thiểu rủi ro trong hoạt động ngân hàng, do đó việc nhận thức đầy đủ các vấn đề về rủi ro tín dụng sẽ giúp các ngân hàng đạt được mục tiêu hoạt động của mình./.

Tài liệu tham khảo:

Nguyễn Văn Tiến (2010), *Giáo trình Quản trị rủi ro trong kinh doanh ngân hàng*, NXB Thống kê.

Lê Bá Trục (2018), *Những yếu tố ảnh hưởng đến quản lý rủi ro tín dụng trong hệ thống NHTM Việt Nam*, Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh.

Lưu Thị Tuyết Hoa (2012), "Quản trị rủi ro thanh khoản của NHTM trong giai đoạn hiện nay". *Tạp chí Ngân hàng*.

Nguyễn Thị Kim Nhung; Phạm Thị Thu Hiền; Nguyễn Thị Thúy Quỳnh (2017), "Một số vấn đề về rủi ro tín dụng của ngân hàng thương mại", *Tạp chí Tài chính*.